

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LẠC VIỆT LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LẠC VIỆT LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH XD TM LẠC VIỆT LAND

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702931340

**3. Ngày thành lập:** 16/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 23, Tổ 19, Ấp 1, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0984376070

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống chống sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321        |
| 3.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng, quản lý, điều hành các dự án xây dựng; đo đạc lập bản đồ địa chính. - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế kết cấu công trình giao thông cầu đường bộ - Thiết kế công trình giao thông đường bộ - đường dây tải điện và trạm biến áp. - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp - đường dây tải điện và trạm biến áp. - Thẩm định giá. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông cầu, đường bộ, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát địa hình công trình, khảo sát địa chất công trình. - Thiết kế xây dựng (kiến trúc, kết cấu) công trình dân dụng. Thiết kế xây dựng (kiến trúc, kết cấu, điện, cấp thoát nước) công trình công nghiệp. | 7110(Chính) |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ từ mây, tre, lá, gỗ các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1629        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gỗ các loại, vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bãi cát)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ gỗ, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ từ mây, tre, lá, sắt                                                                            | 4649                                                         |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                         | 4322                                                         |
| 9.  | Khai thác gỗ<br>Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng                                                                                                                                             | 0220                                                         |
| 10. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                         | 0210                                                         |
| 11. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê phương tiện cơ giới                                                                      | 7730                                                         |
| 12. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Thi công công trình dân dụng, công nghiệp                                                                                                                      | 4101                                                         |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                       | 4102                                                         |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Thi công công trình giao thông (cầu, đường bộ)                                                                                                      | 4212                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.                                                                                        | 4299                                                         |
| 16. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ VĂN KHÔI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281031318

Ngày cấp: 14/11/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp 1, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương